TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/HS-ST
Ngày 30-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quyết Tiến; bà Đào Kim Tuyến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quý - Kiểm sát viên trung cấp; ông Đỗ Tuấn Sỹ - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 30/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2024/TLST-HS ngày 31/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HS ngày 10/12/2024 đối với các bị cáo:

1. Thò Mí M, sinh năm 1992 tại huyện M, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số 002092009619 do Cục CSQLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 04/9/2022 nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thò Mí L, sinh năm 1972 và bà Sùng Thị D (đã chết); có vợ là Vừ Thị L, sinh năm 1992; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 30/8/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Gìa Mí L, sinh năm 1989 tại huyện M, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số 002089009911 do Cục CSQLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 04/9/2021; nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: G D V, sinh năm 1967 và bà Vừ Thị S, sinh năm 1971; có vợ là Vừ Thị L, sinh năm 1990; có 05 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 05/8/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Gìa Mí L: Ông Nguyễn Xuân Giang, Trợ giúp viên Pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà Nước, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Thò Mí M: Bà Vương Thị Minh Huệ, Trợ giúp viên Pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà Nước, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đến vụ án: Anh SùnGìa Mí C, sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn Pả Vi Thượng, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Lê Thị L, vắng mặt
2. Chị Triệu Thị H, vắng mặt
3. Anh Gìa Mí G, sinh năm 2007; người giám hộ: Ông Vũ Thái D - Bí thư chi đoàn thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang, có mặt.
4. Anh Gìa Mí S, có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Vừ Mí C, sinh năm 2003; địa chỉ: Xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17h30 ngày 27/7/2024, tổ công tác của Công an huyện M, phối hợp với Đồn Biên phòng đang trên đường tuần tra kiểm soát đảm bảo ANTT trên địa bàn tại khu vực thôn Xà Phìn, xã T, huyện M thì phát hiện SùnGìa Mí C, *sinh năm 1992, trú tại thôn Pả Vi Thượng, xã P, huyện M* điều khiển xe mô tô BKS 23-AM 017.07 chở 02 người phụ nữ đang đi theo hướng về trung tâm xã T có dấu hiệu khả nghi về việc vi phạm pháp luật. Tổ công tác đã yêu cầu dừng xe và kiểm tra hành chính, khai thác tại chỗ xác định SùnGìa Mí C đang chở Lê Thị L, *sinh năm 1988, trú tại xóm D, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An* và Triệu Thị H, *sinh năm 1994, trú tại xóm T, xã T1, huyện V, tỉnh Thái Nguyên* đến Thôn M, xã T để vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Tổ công tác yêu cầu cả ba người trên cùng pH tiện về trụ sở Công an xã T, huyện M để làm rõ.

Kết quả điều tra xác định: Khoảng tháng 7/2024, do có nhu cầu tìm việc làm nên Lê Thị L, Triệu Thị H đã kết bạn với tài khoản Zalo tên "Bình An" *(không rõ tên, địa chỉ cụ thể của người sử dụng)* và được giới thiệu sang Trung Quốc làm thuê với mức lương cao, L và H đồng ý nhờ đối tượng có tên zalo "Bình An" hướng dẫn đưa đi Trung Quốc với chi phí phải trả để đưa sang đến Trung Quốc là từ 6.200NDT đến 6.800NDT/người. Ngày 24/7/2024, L và H được người có nick zalo "Bình An" hướng dẫn đi xe ô tô khách đến tỉnh Cao Bằng. Ngày 25/7/2024, theo sự sắp xếp của "Bình An", L và H gặp nhau tại một nhà nghỉ ở thành phố Cao Bằng, sau đó tiếp tục gặp một người đàn ông tên D *(không rõ họ, địa chỉ)* cùng có nhu cầu đi Trung Quốc. Ngày 26/7/2024, qua điện thoại "Bình An" chỉ dẫn L, H, D đi xe ô tô khách đến thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang để được đưa sang Trung Quốc.

Cũng trong khoảng giữa tháng 7/2024, Thò Mí M, sinh năm 1992, trú tại Thôn M, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang khi đó đang làm lái xe taxi chở khách, được một người đàn ông lạ gọi đến số điện thoại của M để hỏi thuê xe ô tô và hẹn gặp M tại

thị trấn M. M đồng ý và đi đến điểm hẹn tại khu vực đường quốc lộ thuộc tổ 01, thị trấn M, tại đây M thấy một người đàn ông đang đứng đợi ở đường, người này hỏi M có chở người đến biên giới không, M trả lời có và được người đàn ông lạ thuê chở người sang Trung Quốc để đi làm thuê với giá 2.500.000 đồng *(hai triệu năm trăm nghìn đồng)*/người, nghe vậy M hiểu là đưa người đến biên giới để họ vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê vì nếu đi theo đúng quy định thì phải làm sổ thông hành và giá tiền không cao như vậy nên M yêu cầu tiền công cao hơn là 1.000 NDT/người *(một nghìn nhân dân tệ)* quy ra tiền Việt Nam tương ứng với số tiền 3.500.000 đồng *(ba triệu năm trăm nghìn đồng)* thì M mới đi, người đàn ông đó đồng ý và hẹn khi nào có khách đi sẽ gọi lại cho M.

Do Thò Mí M lái xe ô tô taxi không tiện đón, bản thân M biết việc này vi phạm pháp luật không dám tự mình đón người nên mấy hôm sau M sử dụng tài khoản mạng xã hội Wechat của mình có tên "U Mo Ko" gọi đến tài khoản Wechat "OK OKLL" của Già Mí L, sinh năm 1989, trú tại Thôn B, xã X, huyện M hỏi L đang ở đâu, bao giờ thì về được, L cho biết đang đi làm thuê tại tỉnh Lạng Sơn, khoảng 02 ngày nữa mới về, M nói về thì gọi cho M có việc và tắt máy. Mấy ngày sau đó, người đàn ông lạ mặt gọi điện bảo M là 02 ngày nữa đón người tại huyện M để đưa đến biên giới, M đồng ý.

Ngày 27/7/2024, Già Mí L đi ô tô khách từ huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn để về Mèo Vạc, Hà Giang, trên đường đi L nhận được cuộc gọi của M qua Wechat hỏi đến đâu rồi, L cho biết đến huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng. Lúc này người đàn ông thuê M đưa người đến biên giới nhắn tin gửi cho M số điện thoại 0868403929 (*là số điện thoại của một người tên D trong nhóm người đi Trung Quốc*) để M gọi L hệ đón.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, L về đến thị trấn M và đến nhà anh Vũ Đình T, sinh năm 1984, trú tại tổ 04, thị trấn M làm nghề sửa chữa và mua bán xe máy cũ để hỏi mượn xe máy, do là chỗ bạn bè quen biết nên anh T đồng ý cho L mượn chiếc xe máy VISION màu sơn đỏ nâu, biển kiểm soát 23P1-08376. Anh T không biết L mượn xe máy để đi đâu làm gì. Sau khi mượn được xe máy thì L nhận được điện thoại của M gọi tới bảo có khách đang ở thị trấn M muốn thuê chở đến biên giới Thôn M, xã T để sang Trung Quốc, có đi được không, L trả lời đi được và hỏi tiền công là bao nhiêu, M nói tiền công chở khách là 100 NDT/người còn tiền công của L thì không lo M tự biết nghĩ và sẽ trả giá cao, lúc này L hiểu là đưa người đến biên giới để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nên đồng ý nhận lời. Sau đó, M nhắn tin qua Wechat gửi cho L số điện thoại 0868403929 mà người đàn ông đó đã gửi để L chủ động gọi L hệ đón người. M bảo L "*anh gọi cho số này xem là họ đang ở đâu thì đến đón*" và dặn L khi nào đưa được người đến biên giới thì gọi báo lại cho M biết số lượng người đi để còn tính tiền với người đàn ông đã thuê M.

Sau đó, Già Mí L sử dụng số điện thoại 0385.945.861 của mình gọi đến số điện thoại 0868403929 do M cung cấp thì có một người đàn ông nghe máy, L hỏi đang ở đâu rồi, người này trả lời đang ở nhà nghỉ Quang Minh, thị trấn M, L hỏi có bao

nhiêu người thì người này cho biết có 04 người, L bảo lát sẽ có xe ôm đến đón. Gọi điện xong, L đi xe máy đến nhà bạn là SùnGìa Mí C, sinh năm 1992, trú tại thôn Pả Vi Thượng, xã Pả Vi, huyện M để bảo Cho đi xe ôm chở 02 người từ nhà nghỉ Quang Minh, thị trấn M đến khu vực biên giới thuộc Thôn M, xã T, huyện M với tiền công là 100 NDT/người, SùnGìa Mí C đồng ý và được L cho số điện thoại 0868403929 để L hệ đi đón người. SùnGìa Mí C nói không có tiền mua xăng nên L đã ứng tiền của mình ra trả trước cho SùnGìa Mí C 500.000 đồng *(năm trăm nghìn đồng)* tiền công và dặn Cho khi nào đưa người đến Thôn M, xã T, huyện M thì gọi điện báo cho L biết. Sau đó L đi đến phòng khám bác sĩ Phiến tại thị trấn M để thăm người nhà, tại đây L gặp Gìa Mí S, sinh năm 2003 (*là chú của L*) và Gìa Mí G, sinh năm 2007 (*là em trai của L*) cùng trú tại Thôn B, xã X, huyện M, L đặt vấn đề thuê S và G chở người từ thị trấn M đến khu vực Thôn M, xã T với giá 100NDT/người, S và G đồng ý. Do S không có tiền đổ xăng nên L dùng tiền của mình đưa trước cho S 100.000 đồng *(một trăm nghìn đồng)* để đổ xăng.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, L gọi điện thoại bảo Sùng Mí G, Gìa Mí C, Gìa Mí S, Gìa Mí G đến nhà nghỉ Quang Minh đón người, còn L điều khiển xe máy đi trước vào khu vực biên giới Thôn M, xã T để dò đường xem có Công an không. Còn Sùng Mí G, Già Mí C đi xe máy Wave Alpha, màu đen, biển kiểm soát 23AM-017.07 đến nhà nghỉ Quang Minh đón được Lê Thị L và Triệu Thị H. Khi C vừa đưa L và H đi khỏi nhà nghỉ thì S và G cũng đến đón người, thấy 02 người đàn ông đang đứng đợi nên hỏi có phải các anh đi xe ôm không, thì được 02 người đàn ông trả lời là phải. Sau đó, S điều khiển xe máy loại xe Wave Alpha, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 23P1-132.23, G điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Excter, màu sơn xanh bạc đen, biển kiểm soát 23B1-0318.00 mỗi người chở một người đàn ông, S đi trước, G đi sau. Trên đường đi, S hỏi tên người đàn ông thì được biết tên là *"P"* ở huyện Yên Minh *(không rõ họ và địa chỉ)*. G hỏi người đàn ông còn lại đi đâu thì được người này cho biết là đi thăm bạn và không nói gì thêm. Khi đến Thôn M, xã T thì xe của S bị thủng săm không đi được nữa nên S bảo P tự đi và gọi cho bạn đi cùng đến đón, sau đó S kiểm tra lốp xe nên không rõ P đi theo hướng nào. Lúc này G đi sau, chở người đàn ông còn lại đi đến Thôn M, xã T thì dừng xe cho người đàn ông xuống xe rồi quay về nhà còn người đàn ông đi đâu G không biết. Trên đường về G nhận được điện thoại của S bảo xe bị hỏng nên G đi xe máy đến đón S về nhà. Còn đối với Sùng Mí G, Già Mí C khi đang chở Lê Thị L và Triệu Thị H đến địa phận thôn Xà Phìn, xã T, huyện M thì bị Công an phát hiện kiểm tra và yêu cầu cả ba người về trụ sở Công an xã T để làm việc. Sáng hôm sau, Gìa Mí G lấy xe máy đưa S đi lấy xe bị hỏng mang đi sửa, sau đó cả hai được cơ quan Công an mời đến làm việc.

Về phía Gìa Mí L, sau khi thuê và hướng dẫn Sùng Mí G, Già Mí C, Gìa Mí S, Gìa Mí G đến nhà nghỉ Quang Minh đón người, đến chiều tối mà không thấy các trường hợp xe ôm gọi điện thông báo đã đến nơi chưa nên L gọi điện cho Sùng Mí G, Gìa Mí C để hỏi xem đến đâu rồi thì được C nói vừa bị Công an bắt, L lo sợ không nói gì và tắt máy điện thoại sau đó đi thẳng về nhà. Sáng hôm sau ngày

28/7/2024, L sợ bị lộ việc tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nên đã tháo sim điện thoại số 0385.945.861 ra khỏi máy điện thoại để không ai biết và liên lạc được. L tiếp tục gọi điện và nhắn tin qua mạng xã hội Wechat cho M nói dối đã đưa người đến biên giới rồi và đề nghị trả tiền công, M hỏi đưa được bao nhiêu người, L nói là 04 người, M thống nhất với L sẽ trả cho L 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)* là tiền công của L và tiền thuê xe ôm, số còn lại là công của M. Sau đó, Thò Mí M gọi điện thoại cho người đàn ông đã thuê mình để đòi tiền công nhưng không L lạc được nên để L yên tâm không đòi tiền nữa M bảo L gửi cho M số tài khoản của L để M chuyển tiền Trung Quốc vào tài khoản trả cho L, vì M biết số tài khoản của L không nhận được tiền nhân dân tệ. Do không nhận được tiền và nghĩ tài khoản bị lỗi nên L tiếp tục gửi cho M số tài khoản của ông Đỗ Danh Đ, sinh năm 1978, trú tại tổ 04, thị trấn M, huyện M là chủ cửa hàng bán xe máy (*do trước đây em gái L đi làm thuê bên Trung Quốc có gửi tiền về nhờ qua số tài khoản của anh Đ*), để M gửi tiền cho L. Do L đòi tiền nhiều lần nên Thò Mí M đã xin của một người bạn 02 hình ảnh chuyển tiền nhân dân tệ vào tài khoản của anh Đỗ Danh Đ, gửi cho Già Mí L để L tin không đòi tiền M nữa, nhưng thực tế M chưa có tiền để chuyển trả tiền công cho L.

Khi nghe tin L bị Công an bắt và nghĩ mình có L quan đến việc cùng L đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nên M đã bỏ trốn và xóa toàn bộ tin nhắn, cuộc gọi và tài khoản Wechat tên "U Mo Ko" và tài khoản Zalo của M cũng như các cuộc gọi, tin nhắn qua điện thoại giữa M với người đàn ông lạ mặt thuê M đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Đến ngày 30/8/2024, M bị bắt và bị khởi tố về hành vi: Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, quy định tại khoản 1, Điều 348, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Cáo trạng số 33/CT-VKSHG-P1 ngày 31/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Thò Mí M, Già Mí L về tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Thò Mí M, Già Mí L đã khai nhận toàn bộ hành vi tổ chức cho 04 người có mục đích xuất cảnh trái phép qua đường biên giới Việt Nam sang Trung Quốc, thuộc địa phận Thôn M, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố; các bị cáo chưa được nhận tiền công vì các bị cáo thuê người chở xe ôm đang đưa 04 công dân trên đường đến biên giới Việt Nam - Trung Quốc thì bị cơ quan chức năng phát hiện và bắt giữ, đồng thời bị cáo M cũng không liên lạc được với người đàn ông lạ mặt nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu luận tội, giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích, đánh giá nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội; hậu quả của tội phạm; vai trò của từng bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thò Mí M, Gìa Mí L phạm tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"*.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 3 Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Thò Mí M, Gìa Mí L mỗi bị cáo từ 01 đến 02 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước đối với các vật chứng gồm: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO, vỏ màu xanh (*thu giữ của bị cáo Gìa Mí L)*; 01chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO (Reno125) vỏ màu bạc (*thu giữ của bị cáo Thò Mí M*).

* Trả lại anh Sùng MÍ G, Gìa Mí C 02 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, trong đó 01 điện thoại nhãn hiệu REALME, vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, vỏ màu đen;

- Trả lại cho bị cáo Gìa Mí L 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietinbank có số 9704 1501 2732 2678.

* Tịch thu tiêu huỷ: 01 sim điện thoại số 0385945861, trên sim có số seri 8984 04800 09039 58913 và chữ 4G Viettel; 04 phôi sim nhà mạng Viettel có chữ số viết tay trên phôi sim là 0384241334; 0364 169 114; 0385945861 và 0377 396 201; 01 chiếc thẻ có số 53232 41990 03041 515 trên thẻ có ghi chữ Trung Quốc (*thu giữ của Gìa Mí L*). Tình trạng tài sản, vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/11/2024.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

- Bà Vương Thị Minh Huệ - Người bào chữa cho bị cáo Thò Mí M trình bày: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, truy tố bị cáo về tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo khoản 1 Điều 348 BLHS,* nội dung luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà đối với bị cáo M là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tính chất mức độ, hành vi phạm tội; do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực biên giới có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; trình độ văn hoá thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; do cuộc sống khó khăn, được hứa hẹn trả tiền công cao nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo

có nhân thân tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo M được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật; về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo Thò Mí M.

- Ông Nguyễn Xuân Giang - Người bào chữa cho bị cáo Gìa Mí L trình bày: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, truy tố bị cáo về tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*" theo khoản 1 Điều 348 BLHS, nội dung luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà đối với bị cáo L là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực biên giới có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; trình độ văn hoá thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt nhưng chỉ vì cuộc sống nghèo khó, bị cáo hiện đang phải kiếm tiền nuôi 05 đứa con còn nhỏ nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo L được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo 01 năm tù và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội chăm sóc các con nhỏ; về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật; về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo L.

- *Các bị cáo Thò Mí M, Gìa Mí L*: Nhất trí với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát; nhất trí với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý đã bào chữa cho các bị cáo, không có ý kiến bổ sung và không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Thò Mí M, Gìa Mí L: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái, vi phạm pháp luật của mình, kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xử phạt các bị cáo ở mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội, có điều kiện để chăm sóc các con còn nhỏ và làm người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo đều

thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo nên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là anh Sùng Mí G, Già Mí C; người làm chứng là chị Triệu Thị H, chị Lê Thị L. Xét thấy, trong giai đoạn điều tra đã có lời khai của những người này, các lời khai đều thống nhất, ổn định và không mâu thuẫn, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293; Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về căn cứ định tội và định khung hình phạt: Tại phiên toà các bị cáo Thò Mí M, Già Mí L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người được bị cáo tổ chức cho họ xuất cảnh trái phép qua biên giới sang Trung Quốc; lời khai của những người được bị cáo L thuê đưa đón và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc *(bút lục 01 đến 02);* Biên bản kiểm tra và giải trình điện thoại; bản dịch các cuộc hội thoại; bản ảnh chụp màn hình điện thoại, *(các bút lục từ 274- 283, 286-288, 296-299, 309-311...).*

[4] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 7/2024, Thò Mí M được một người đàn ông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) L hệ thuê chở người sang Trung Quốc làm thuê và được hứa hẹn trả tiền công 1.000 NDT (tương đương với 3.500.000đ/01 người). Bị cáo M nhận lời và sau đó đã gọi cho Già Mí L để thoả thuận và hứa hẹn đưa người đi lên biên giới để sang Trung Quốc sẽ được trả công cao, ngoài ra tiền thuê xe ôm là 100NDT/người. Sau khi thoả thuận Già Mí L đã thuê xe ôm chở 04 người với mục đích xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua đường biên giới thuộc địa phận Thôn M, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang. Quá trình các bị cáo đang thực hiện hành vi tổ chức đưa 04 người trong đó xe ôm đưa 02 người đi đến khu vực thôn Xà Phìn, xã T thì bị cơ quan chức năng phát hiện và ngăn chặn kịp thời. Hành vi phạm tội của các bị cáo Già Mí L, Thò Mí M đã cấu thành tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"*, theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự,

Khoản 1 Điều 348 Bộ Luật hình sự quy định: *"1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, thì bị phạt từ từ 01 năm đến 05 năm."*.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động quản lý xuất, nhập cảnh của cơ quan Nhà nước, xâm phạm vào chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước, là khách thể được pháp luật Hình sự Việt Nam bảo vệ, hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an tại địa phương và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh biên giới giữa 02 nước Việt Nam - Trung Quốc. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện nhận thức được việc xuất cảnh sang Trung Quốc mà không được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì vụ lợi, được hứa hẹn trả tiền công cao, nên sau khi được một người đàn ông (không rõ lai lịch) thuê

chở người sang Trung Quốc làm thuê bị cáo Thò Mí M đã thuê Già Mí L đưa người đi qua biên giới với giá tiền thuê xe ôm là 100NDT/người và hứa hẹn sẽ trả tiền công cao cho L; các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Việc các bị cáo tổ chức cho 04 công dân qua biên giới sang Trung Quốc, không có sự kiểm soát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền còn là nguy cơ tiềm ẩn, phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó cần phải bị xử lý bằng hình sự với mức án phù hợp đối với các bị cáo.

[6] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Căn cứ vào kết quả điều tra, xác định, các bị cáo giữ vai trò là người thực hiện hành vi phạm tội độc lập, không có sự câu kết chặt chẽ và phân chia vai trò cụ thể nên các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, xét thấy vai trò của bị cáo M trong vụ án này đã rủ rê bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội và tích cực hơn bị cáo L, nên phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt cao hơn so với bị cáo L.

[7] Đối với bị cáo L sau khi được bị cáo M rủ rê đưa người sang Trung Quốc trái phép và được hứa hẹn trả tiền thuê xe ôm là 100NDT/người, còn tiền công thì sẽ được trả cao, nên bị cáo đã trực tiếp liên hệ thuê xe ôm, ứng tiền xăng để họ đưa, đón 04 người với mục đích đưa đến biên giới để sang Trung Quốc trái phép, do đó cũng cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với vai trò, tính chất và mức độ phạm tội gây ra.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế; phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt; nên cả 02 bị cáo cùng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nên cần xem xét áp dụng khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự.

[10] Về hình phạt chính: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự để xử phạt 02 bị cáo hình phạt tù có thời hạn, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống, xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục, tuyên truyền, răn đe và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này tại địa phương. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội hoàn thành về hành vi, nhưng chưa đạt về hậu quả, bởi quá trình tổ chức đưa 04 người trên đường đến biên giới đã bị cơ quan chức năng phát hiện và ngăn chặn kịp thời, nên khi quyết định hình phạt, các bị cáo được áp dụng thêm khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự. Và xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án phù hợp để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, tích cực cải tạo tốt để sớm được trở về hoà nhập với xã hội, chăm sóc con cái.

[11] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều thuộc diện hộ cận nghèo, không có công ăn, việc làm và không có thu nhập ổn định, các bị cáo cũng chưa được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[12] Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO màu xanh, đã cũ, đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra tình trạng bên trong máy *(thu giữ của bị cáo Gìa Mí L);* 01 điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO reno125 vỏ màu bạc điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra tình trạng bên trong máy (*thu giữ của bị cáo Thò Mí M*);

* Trả lại anh Sùng Mí G, Gìa Mí C 02 chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, trong đó: 01 điện thoại nhãn hiệu REALME vỏ màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra tình trạng bên trong máy; 01 điện thoại nhãn hiệu REDMI vỏ màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra tình trạng bên trong máy *(thu giữ của anh Sùng Mí G, Gìa Mí C);* Trả lại cho bị cáo Gìa Mí L 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietinbank có số 9704 1501 2732 2678 đã cũ, đã qua sử dụng.

* Tịch thu tiêu huỷ: 01 sim điện thoại số 0385945861, trên sim có số seri 8984 04800 09039 58913 và chữ 4G Viettel (đã qua sử dụng); 04 chiếc thẻ (không còn phôi sim điện thoại) của nhà mạng Viettel có chữ viết tay trên mỗi thẻ là 0384241334; 0364 169 114; 0385945861 và 0377 396 201; 01 chiếc thẻ có dãy số 5323241990 03041 515 trên thẻ có ghi chữ nước ngoài (*thu giữ của Gìa Mí L*).

[13] Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tiếp tục tạm giam các bị cáo Thò Mí M; Gìa Mí L với thời hạn là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

[14] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[15] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, án phí và xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Quan điểm đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo về cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, tuy nhiên ý kiến người bào chữa cho bị cáo Gìa Mí L đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo L mức án 12 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[17] Trong vụ án này còn có đối tượng thuê Thò Mí M đón người đưa lên khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép. Căn cứ kết quả điều tra xác định hành vi của đối tượng này có dấu hiệu đồng phạm với các bị cáo, tuy nhiên do đối tượng che giấu nhân thân lai lịch; bản thân bị cáo M sử dụng nhiều số điện thoại không nhớ bản thân và đối tượng đã sử dụng số điện thoại nào để liên lạc. Do đó, Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để tiếp tục xác minh làm rõ, nên HĐXX không có căn cứ xem xét.

[18] Đối với đối tượng sử dụng tài khoản zalo có nickname "Bình An". Kết quả điều tra xác định mọi liên lạc trong quá trình đưa người đi đối tượng này đều liên lạc qua mạng internet bằng tài khoản zalo có tên "Bình An", những người có nhu cầu đi Trung Quốc đều chưa được gặp trực tiếp người này. Do vậy, cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xác minh làm rõ đối với đối tượng này, nên HĐXX không có căn cứ xem xét.

[19] Đối với với chị Lê Thị L và chị Triệu Thị H là 02 trong số 04 người có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Tuy nhiên, quá trình di chuyển lên khu vực biên giới xã T, huyện M đã bị lực lượng chức năng phát hiện, ngăn chặn, hành vi xuất cảnh trái phép chưa hoàn thành nên cơ quan điều tra không xem xét xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

[20] Đối với với trường hợp hai người đàn ông được các bị cáo tổ chức cho xuất cảnh trái phép cùng L và H. Sau khi được Già Mí S và Già Mí G đón để đưa đến Thôn M, xã T, huyện M hiện chưa xác định được đã đi đâu, làm gì. Trong đó, đối tượng do Già Mí S chở tự giới thiệu tên là P, ở huyện Yên Minh, ngoài ra không có thông tin nào khác nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác minh làm rõ. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đủ căn cứ kết luận P là một trong 04 người được các bị cáo tổ chức đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Đối với trường hợp còn lại do Già Mí G chở, mặc dù không nói tên cho G biết nhưng căn cứ vào kết quả điều tra xác định người đàn ông đó là D có số điện thoại 0868403929, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thông tin người đăng ký số điện thoại trên là Hoàng Văn D, sinh ngày 14/11/1981, trú tại Phương Thượng 1, xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với Công an xã Lê Hồ để mời Hoàng Văn D đến làm việc nhưng hiện D không có mặt tại nơi cư trú, không rõ đang ở đâu, làm gì. Do vậy, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục phối hợp với Công an xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để xác minh làm rõ, nên HĐXX không có căn cứ xem xét trong vụ án này.

[21] Đối với Sùng mÍ G, Già Mí C, Già Mí G và Già Mí S được bị cáo L thuê chở 04 người. Tuy nhiên những người này khi được bị cáo L thuê không biết là mục đích 04 người đi đâu, làm gì. Không được bị cáo L bàn bạc nội dung gì trước khi đi. Nên hành vi của Sùng Mí G, Già Mí C, Già Mí G và Già Mí S không cấu thành tội phạm. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với các trường hợp này là có căn cứ.

[22] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Thò Mí M và Già Mí L phạm tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"*.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, khoản 3 Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Thò Mí M 14 *(mười bốn)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 30/8/2024.

- Xử phạt bị cáo Già Mí L 12 *(mười hai)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 05/8/2024.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo Thò Mí M và bị cáo Già Mí L thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước đối với các vật chứng gồm: 01 điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO màu xanh, đã cũ, đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra tình trạng bên trong máy *(thu giữ của bị cáo Già Mí L);* 01 điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO reno125 vỏ màu bạc điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra tình trạng bên trong máy (*thu giữ của bị cáo Thò Mí M*)

* Trả lại anh Sùng MÍ G, Già Mí C, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn Pả Vi Thượng, xã Pả Vi, huyện M, tỉnh Hà Giang 02 (hai) chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, trong đó: 01 điện thoại nhãn hiệu REALME, vỏ màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra tình trạng bên trong máy; 01 điện thoại nhãn hiệu REDMI, vỏ màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra tình trạng bên trong máy;

- Trả lại cho bị cáo Già Mí L 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietinbank có số 9704 1501 2732 2678 đã cũ, đã qua sử dụng.

* Tịch thu tiêu huỷ: 01 sim điện thoại số 0385945861, trên sim có số seri 8984 04800 09039 58913 và chữ 4G Viettel (đã qua sử dụng); 04 chiếc thẻ (không còn phôi sim điện thoại) của nhà mạng Viettel có chữ viết tay trên mỗi thẻ là 0384241334; 0364 169 114; 0385945861 và 0377 396 201; 01 chiếc thẻ có dãy số 5323241990 03041 515 trên thẻ có ghi chữ nước ngoài (*thu giữ của Già Mí L*).

(Như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/11/2024 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Sùng Mí G, Già Mí C vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01, PC02, PV06, PV09 CA tỉnh HG;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh;
- Bộ phận HCTP;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mỹ Lệ